

ASEAN VỚI VẤN ĐỀ QUẢN LÝ XUNG ĐỘT KHU VỰC

NGUYỄN ANH CHƯƠNG*

1. Về vấn đề quản lý xung đột

Khái niệm “xung đột” được hiểu theo nhiều nghĩa tùy thuộc vào cách tiếp cận khác nhau. Dưới góc độ xã hội học, “xung đột” được hiểu là sự va chạm hay xung khắc về lợi ích, sự bất đồng về ý kiến, quan điểm, sự đấu tranh với cấp độ khác nhau từ các phía trong quan hệ xã hội của đời sống con người. Xung đột xã hội là xung đột giữa người với người, là hình thức đấu tranh giữa các lực lượng xã hội để giải quyết các mâu thuẫn xã hội nhằm đạt được những lợi ích và giá trị cho lực lượng đó⁽¹⁾. Trong chính trị học quốc tế, “xung đột” nhằm chỉ một loại trạng thái trong đó giữa các quốc gia không có sự tương đồng về một hoặc nhiều mục đích nào đó. Sự đối lập về mục tiêu hoặc lợi ích quốc gia là nội dung và biểu hiện cơ bản nhất của xung đột quốc tế.

Quan hệ quốc tế nói chung, tư tưởng quản lý xung đột quốc tế nói riêng, được ra đời từ thời kỳ “Văn hóa phục hưng”, đánh dấu bằng sự kiện một số nước phương Tây kí kết “Hòa ước Westphalia” (1648)⁽²⁾. Quá trình quản lý xung đột quốc tế luôn tồn tại hai yếu tố, đó là tính không xác định và

tính khó nhận biết rõ ràng vấn đề nảy sinh nên không thể dựa hoàn toàn vào kế hoạch vạch sẵn để tiến hành xử lý như trong quản lý một lĩnh vực cụ thể nào đó. Muốn phòng ngừa, khống chế có hiệu quả sự gia tăng và bùng nổ xung đột thông qua phương thức “phi bạo lực”, “phi chiến tranh” nhằm hạn chế tối đa tổn thất đối với các bên liên quan, duy trì nền hòa bình, ổn định là vấn đề không đơn giản. Các cuộc chiến tranh đã diễn ra trong lịch sử quan hệ quốc tế từ trước đến nay đã chứng minh điều đó. Có quan điểm cho rằng, để quản lý xung đột hiệu quả cần phải có một mô hình quản lý trong đó vừa sử dụng những quyết sách mang “sức mạnh quyền uy”, vừa mang tính dân chủ, đồng thời đảm bảo sự hài hòa, hợp lý giữa các chủ thể liên quan, giống như Liên hợp quốc, Liên minh châu Âu (EU) hay ASEAN đã nỗ lực áp dụng trong quá trình xây dựng và phát triển.

Sự nảy sinh, gia tăng hay bùng nổ xung đột có thể xuất phát từ hiện thực khách quan của việc lựa chọn mục tiêu, lợi ích của các bên tham gia, cũng có thể do sai lầm từ việc đưa ra và thực hiện các quyết sách. Một trong những yêu cầu đối với các nước,

* TS. Nguyễn Anh Chương, Trường Đại học Vinh

các tổ chức khu vực và quốc tế (trong đó có ASEAN) là khi ban hành quyết sách quản lý xung đột đều phải chú ý tuân thủ nguyên tắc hạn chế tối đa sử dụng vũ lực, cố gắng đàm phán, nhượng bộ, tuân thủ luật pháp quốc tế... Về mặt lý thuyết, quá trình phát triển của xung đột có thể phân thành năm giai đoạn chủ yếu: (1) Giai đoạn tiềm ẩn xung đột; (2) Giai đoạn xuất hiện dấu hiệu xung đột; (3) Giai đoạn đầu của xung đột; (4) Giai đoạn bùng nổ xung đột (công khai hóa xung đột); (5) Giai đoạn giải quyết và xóa bỏ xung đột. Trong quản lý xung đột có ba phương thức chủ yếu thường được áp dụng đó là: phòng tránh, phòng ngừa xung đột; kiểm soát, kiềm chế xung đột; giải quyết xung đột. Quản lý xung đột liên quan đến ba yếu tố cơ bản: bạo lực và cưỡng chế, bao gồm cả về mặt tâm lý và vật chất; sự can thiệp của bên thứ ba, bao gồm hòa giải, đe dọa, sử dụng vũ lực...; các hình thức trao đổi, mặc cả, trong đó chủ yếu là thuyết phục, hứa hẹn, uy hiếp, thậm chí là đe dọa sử dụng vũ lực, v.v.

2. Một số hình thức xung đột chủ yếu ở khu vực ASEAN

Từ khi ra đời đến nay, cùng với sự biến chuyển của cục diện chính trị thế giới và khu vực Đông Nam Á, các loại hình xung đột và phương pháp quản lý xung đột của ASEAN đã và đang có những thay đổi. Xét về thuộc tính xung đột giữa các chủ thể liên quan, khu vực ASEAN tồn tại hai loại xung đột chủ yếu đó là xung đột giữa các nước trong khu vực và xung đột trong nội bộ từng nước ASEAN. Về tiến trình lịch sử, những vấn đề xung đột của ASEAN đã trải qua hai giai đoạn chính: giai đoạn từ khi thành lập (1967) đến khi kết thúc Chiến

tranh lạnh và giai đoạn từ sau Chiến tranh lạnh đến nay. Về nội dung của các xung đột gồm có: tranh chấp lãnh thổ, biển đảo; đối lập về hình thái ý thức, chế độ chính trị, nhà nước, luật pháp; sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, tôn giáo, văn hóa, ngôn ngữ; sự khác nhau về quan điểm dẫn đến phân rẽ, không đạt được nhận thức chung về một số vấn đề trong nội bộ khu vực và quan hệ quốc tế; và gần đây là những xung đột trong giải quyết một số vấn đề trước đây chưa xuất hiện nhiều như vấn đề chống khủng bố, di cư, nhân quyền, các vấn đề an ninh phi truyền thống (an ninh mạng, an ninh môi trường, an ninh lương thực thực phẩm, an ninh tài nguyên), v.v. Bên cạnh đó, ngay trong bản thân từng nước thành viên ASEAN cũng đang tồn tại những xung đột hoặc tiềm ẩn xung đột do lịch sử để lại và cho đến nay vẫn chưa thể giải quyết hoàn toàn như vấn đề sắc tộc, tôn giáo, tình trạng đòi li khai độc lập ở một số nước như Thái Lan, Philippines, Indonesia, v.v.

3. Các nguyên tắc, nội dung chủ yếu trong quản lý xung đột của ASEAN

ASEAN được cộng đồng quốc tế đánh giá là tổ chức bao gồm những nước đang phát triển đã xây dựng được mô hình khống chế, xử lý thành công nhất về vấn đề xung đột khu vực. Thực tế cho thấy, từ khi thành lập với việc đưa ra "Tuyên bố Bangkok" (8/8/1967) cho đến nay, mặc dù trong từng bối cảnh cụ thể, giữa các nước thành viên ASEAN vẫn còn tồn tại một số mâu thuẫn, bất đồng, nhưng chưa xảy ra tình trạng xung đột vũ trang ở quy mô lớn. Cựu thủ tướng Malaysia Mahathir bin Mohamad từng nhận xét: Mỗi khi có mâu

thuần, biến động hay xung đột, thậm chí có những thời điểm xuất hiện xung đột bằng bạo lực, ASEAN đã phát huy được tác dụng quan trọng của mình trong việc hóa giải xung đột, góp phần xây dựng Đông Nam Á trở thành một khu vực hợp tác hòa bình và phát triển⁽³⁾.

Tôn trọng lẫn nhau, hợp tác, thân thiện, không can thiệp nội bộ của nhau, xử lý các sự vụ một cách linh hoạt, khôn khéo, hiệu quả chính là nền tảng và là xuất phát điểm căn bản trong thực thi quản lý xung đột của ASEAN. “Tuyên bố Bangkok” (1967) về việc thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chỉ rõ, các nước ASEAN tăng cường đoàn kết, chia sẻ lẫn nhau, hợp tác bình đẳng, láng giềng hữu nghị, tôn trọng sự khác biệt về dân tộc, văn hóa, ngôn ngữ giữa các nước, đảm bảo cho các thành viên tránh được sự can thiệp từ bên ngoài; thông qua việc bảo vệ lẽ phải, tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc để thúc đẩy ổn định, phát triển khu vực. Tháng 11/1971, tại Kuala Lumpur (Malayxia), các nước ASEAN đưa ra “Tuyên bố về Khu vực hoà bình, tự do, trung lập” (ZOPFAN) trong đó tiếp tục nhấn mạnh, các nước trong khu vực phải thúc đẩy hợp tác cùng có lợi, quyết tâm đảm bảo sự ổn định và an ninh của mình, phản đối sự can thiệp từ bên ngoài dưới bất cứ hình thức hoặc biểu hiện nào nhằm gìn giữ bản sắc dân tộc của mình, bảo đảm tự do, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia phù hợp với những lý tưởng và nguyện vọng của nhân dân các nước thành viên. Các nước thành viên phải nỗ lực cố gắng để làm cho các nước bên ngoài tôn trọng và công nhận Đông Nam Á là một khu vực hòa bình, tự do và trung lập.

Ngay từ đầu, các nước ASEAN ý thức được rằng, sự can thiệp của các nước lớn bên ngoài đối với các công việc nội bộ của khu vực chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên xung đột và bất ổn ở khu vực Đông Nam Á. Trong bối cảnh khó lường của cuộc Chiến tranh lạnh lúc bấy giờ, ASEAN lựa chọn và quyết định phương thức cùng nhau đoàn kết, nỗ lực hành động để khóa lấp “khoảng trống quyền lực”, tránh sự can dự của các nước lớn đối với công việc nội bộ khu vực, tránh rơi vào vòng kiểm chế hay trở thành con bài chiến lược trong quá trình tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn. “Tuyên bố về Khu vực hoà bình, tự do, trung lập (ZOPFAN) được xem vừa là cách thức để quản lý xung đột giữa các nước trong khu vực, vừa là định hướng chiến lược cơ bản trong quan hệ đối ngoại giữa ASEAN với thế giới bên ngoài.

Để tiếp tục cụ thể hóa và từng bước hoàn thiện hệ thống các cơ chế phòng ngừa, quản lý xung đột khu vực, tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất được tổ chức tại Indonesia (2/1976), các thành viên ASEAN thống nhất ký kết “Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (TAC). Với hiệp ước này, ASEAN khẳng định sẽ dựa vào một số nguyên tắc cơ bản để xử lý xung đột giữa các thành viên và xung đột trong từng nước. Các nguyên tắc đó là: (1) Các nước cùng tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các quốc gia; (2) Mỗi quốc gia đều có quyền duy trì phát triển dân tộc mình mà không chịu sự can thiệp, lật đổ hoặc áp bức của bên ngoài; (3) Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; (4) Giải quyết mọi bất đồng, tranh chấp, xung đột bằng biện pháp hòa bình;

(5) Từ bỏ việc đe dọa hoặc sử dụng vũ lực;
 (6) Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước một cách có hiệu quả. Tất cả các thành viên tham gia hiệp ước đều phải cam kết tuân thủ thực hiện các nguyên tắc cơ bản này nhằm góp phần phòng ngừa, kiểm soát xung đột, phấn đấu xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định.

Để thực hiện mục tiêu trên, ASEAN khuyến khích các nước tích cực xúc tiến hợp tác về kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, các vấn đề về lý tưởng và nhận thức chung. Các nước có trách nhiệm làm hết sức mình để tăng cường hợp tác đa phương hoặc song phương trên cơ sở bình đẳng, không phân biệt đối xử và cùng có lợi. ASEAN quy định, các nước thành viên tham gia hiệp ước phải có thiện chí và quyết tâm không để xảy ra tranh chấp, xung đột. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, các bên phải kiềm chế, không đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực, tiến hành giải quyết tranh chấp, xung đột thông qua con đường thương lượng, đàm phán trực tiếp. Nếu xung đột không thể giải quyết thông qua hình thức này thì sẽ thành lập Hội đồng cấp cao gồm đại diện cấp Bộ trưởng của các thành viên tham gia Hiệp ước. Hội đồng này sẽ ghi nhận tình hình tranh chấp và khuyến nghị với các bên liên quan về các giải pháp xử lý thích đáng, đồng thời đứng ra làm trung gian tìm hiểu tình hình, dàn xếp, hoà giải để khuyến nghị phương án xử lý tích cực hoặc ngăn chặn sự leo thang căng thẳng của tranh chấp, xung đột.

“Tầm nhìn ASEAN năm 2020” được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ hai (12/1997) xác định, đến năm 2020, ASEAN sẽ thiết lập được một Đông Nam

Á hòa bình và ổn định, tranh chấp lãnh thổ và các tranh chấp khác được giải quyết bằng biện pháp hòa bình, những nguyên nhân xung đột sẽ được loại bỏ qua việc tôn trọng công lý, luật pháp và việc tăng cường tinh thần tự cường quốc gia, khu vực. Để xây dựng các cơ chế phối hợp, hỗ trợ thực thi có hiệu quả vấn đề quản lý xung đột trong khu vực, ASEAN chủ động khởi xướng thực hiện một số hình thức ngoại giao không chính thức dựa trên nguyên tắc “đồng thuận” đó là “kênh ngoại giao thứ 2” (hội nghị quan chức cấp cao, hội nghị nhóm hỗ trợ liên ngành xây dựng lòng tin, hội thảo khoa học chuyên đề...)⁽⁴⁾. Đối với một số vấn đề gặp phải trong quá trình hợp tác như vấn đề Biển Đông, chống chủ nghĩa khủng bố... đầu tiên phải được thông qua sự trao đổi thảo luận của các chuyên gia nghiên cứu tại hội nghị đối thoại “kênh 2”, sau khi đạt được ý kiến thống nhất sơ bộ mới trình lên hội nghị “kênh 1” để cân nhắc và đi đến quyết định cuối cùng. Như vậy, bên cạnh ngoại giao chính thức, kênh ngoại giao không chính thức và các nguyên tắc “không đối kháng”, “không vũ lực”... là những nội dung và hình thức cơ bản trong quản lý xung đột của ASEAN. Thực tế cho thấy, trong điều hành nói chung, quản lý xung đột khu vực nói riêng, ASEAN không tuyệt đối hóa về một hình thức nào mà luôn kết hợp hài hòa cả hai hình thức ngoại giao nói trên nhằm đạt được sự đồng thuận giữa các nước. Ngoài những tuyên bố, hiệp ước, hiệp định, nghị định thư... được các nước thành viên thống nhất cam kết thực hiện, ASEAN còn vận dụng linh hoạt các nguyên tắc thực hiện các chuẩn mực hành vi đối với các nước thành viên như: kiềm chế, trách nhiệm, nhẫn nại, tôn trọng sự khác biệt về bản sắc văn hóa,

hình thái ý thức, quan niệm giá trị.v.v... ASEAN chủ trương “không đối kháng” “không vũ lực” trong xử lý mâu thuẫn, xung đột. Các vấn đề nội bộ của khu vực phải được thông qua bàn bạc trao đổi, tham vấn và đồng thuận của các nước thành viên. Trong mọi tình huống, ASEAN cố gắng tận dụng các kênh ngoại giao khác nhau để hóa giải, xử lý xung đột.

Đây được xem là phương thức quản lý xung đột khá độc đáo của ASEAN. Khác với EU, ASEAN luôn đề cao và thực hiện nguyên tắc tôn trọng, bảo đảm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước trong xử lý tranh chấp, xung đột chứ không áp dụng mô hình thể chế “Quyền lực siêu quốc gia” để buộc các thành viên phải chấp nhận chịu thiệt một số lợi ích thông qua “nhượng chủ quyền”, hay “ủy thác trách nhiệm” như EU⁽⁵⁾.

“Hiến chương ASEAN”(có hiệu lực từ tháng 12/2008) đưa ra phương hướng thúc đẩy xây dựng bản sắc chung và ý thức gắn bó với nhau trong khu vực để hình thành một vận mệnh, những giá trị và mục tiêu chung nhằm ứng phó với các thách thức hiện tại cũng như trong tương lai. Đồng thời, ASEAN xác định, phòng ngừa xung đột là một trong những nhiệm vụ và nội dung quan trọng nhất của việc xây dựng cộng đồng ASEAN, nhất là đối với cộng đồng chính trị - an ninh. Để thực hiện nhiệm vụ này, ASEAN đưa ra một số quy định: (1) Tăng cường hợp tác trên nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác. (2) Tăng cường hợp tác giữa các thành viên để ngăn chặn việc tổ chức, kích động, viện trợ và tham gia các hoạt động khủng bố ở các nước trong khu vực; (3) Ngăn chặn việc lợi dụng lãnh thổ của

các nước ASEAN để làm căn cứ triển khai các hoạt động ảnh hưởng đến sự ổn định và an ninh của một nước khác; (4) Tăng cường hợp tác để đối phó với các hoạt động phản động và lật đổ chính phủ các nước thành viên. ASEAN chủ trương không lấy việc kí kết các hiệp ước và liên minh quân sự làm mục tiêu mà chỉ nhấn mạnh thông qua thúc đẩy hợp tác chính trị để tìm kiếm giải pháp tối ưu cho các vấn đề an ninh khu vực. Điều này được phản ánh trong nhận xét của cựu Tổng thống Indonesia Megawati: ASEAN cần phải phát triển thành cộng đồng an ninh thuần thực, nhưng điều đó không có nghĩa là một liên minh quân sự - quốc phòng giữa các nước thành viên, đó là một cộng đồng cùng phân chia trách nhiệm trong hợp tác toàn diện về chính trị để xây dựng trật tự khu vực và đối phó với những đe dọa an ninh⁽⁶⁾.

Song song với đó, ASEAN còn thiết lập một số cơ chế hoạt động thường niên nhằm tăng cường quản lý xung đột như: Hội nghị thượng đỉnh ASEAN, Hội nghị cấp cao ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao, Diễn đàn khu vực ASEAN, Diễn đàn hợp tác Á - Âu, Diễn đàn đối thoại quốc phòng, các Ủy ban hỗn hợp về hợp tác an ninh - quân sự, xử lý các vấn đề biên giới, lãnh thổ giữa các nước.v.v... Thông qua các cơ chế này, ASEAN có thể hạn chế được tối đa xung đột do sự can thiệp và ảnh hưởng từ bên ngoài, tiếp tục duy trì nền hòa bình, ổn định và phát triển khu vực, đồng thời vẫn tích cực tăng cường hội nhập, hợp tác phát triển.

Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), với tư cách là cầu nối cho các cuộc đối thoại và tư vấn song phương cũng như đa phương cùng với việc thiết lập những quy tắc đối thoại

và hợp tác, được định hình thông qua việc ra quyết định dựa trên nguyên tắc đồng thuận và giảm thiểu quá trình thể chế hoá. Về mô hình vận hành, Diễn đàn khu vực ASEAN không có cấu trúc tổ chức độc lập mà chỉ là một cơ chế hoạt động phụ thuộc vào khuôn khổ tổ chức ASEAN. Ngoài hội nghị ngoại trưởng các nước thành viên được tổ chức mỗi năm một lần do các nước ASEAN thay nhau đảm nhiệm, diễn đàn này còn được bổ sung bởi các cơ chế hỗ trợ hoạt động như: hội nghị quan chức cấp cao các nước, hội nghị nhóm hỗ trợ liên ngành về các biện pháp xây dựng lòng tin, các cuộc hội thảo khoa học chuyên đề của “kênh 2”... Tính đa dạng và linh hoạt của các hình thức hoạt động đã làm cho Diễn đàn khu vực ASEAN trở thành nơi bao quát nhiều chủ đề liên quan đến an ninh - chính trị của khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà các bên tham gia có thể trực tiếp đối thoại thảo luận.

4. Vấn đề đặt ra đối với ASEAN trong quản lý xung đột hiện nay

Trong quá trình phát triển trở thành một tổ chức khu vực có vai trò và uy tín trong cộng đồng khu vực và đời sống chính trị quốc tế, ASEAN đã tích cực thúc đẩy hợp tác, hạn chế tối đa sử dụng vũ lực, đối kháng, phản đối việc quốc tế hóa xung đột khu vực, tăng cường xây dựng lòng tin, thực hiện nguyên tắc “tham vấn” và “đồng thuận”, góp phần phòng ngừa, kiểm soát, kiềm chế xung đột và duy trì tình hình khu vực ổn định phát triển. Tuy nhiên, cùng với sự biến chuyển của tình hình thế giới và xu thế toàn cầu hóa hiện nay, ASEAN đang đứng trước những khó khăn, thách thức từ bên trong lẫn bên ngoài, trong đó

việc sử dụng các nguyên tắc, phương pháp quản lý xung đột còn gặp phải một số vấn đề cần phải giải quyết.

Một là, sự đa dạng về thể chế chính trị, văn hóa, trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đồng đều, khủng hoảng kinh tế, nội bộ một số nước thành viên không ổn định, vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biển đảo, xung đột sắc tộc, tôn giáo và những vấn đề an ninh phi truyền thống khác.v.v... đã và đang khiến ASEAN mặc dù rất cố gắng nhưng gặp không ít khó khăn đối với quản lý xung đột. Việc ASEAN chưa thể giải quyết dứt điểm, thấu đáo một số vấn đề đã tồn tại từ trước nhất là vấn đề tranh chấp lãnh thổ, biên giới, biển đảo, cộng thêm vào đó là những tiềm ẩn, phát sinh xung đột mới hiện nay buộc ASEAN phải có những quyết sách và giải pháp hữu hiệu hơn để quản lý xung đột.

Hai là, khó khăn trong việc thực hiện nguyên tắc “đồng thuận” để giải quyết các vấn đề về tranh chấp, xung đột giữa các nước trong khu vực và giữa ASEAN với bên ngoài. Nguyên tắc này có nhiều ưu điểm, góp phần xây dựng một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển nhưng lại hạn chế đến việc xử lý mâu thuẫn, xung đột trong từng thời điểm cụ thể. Vì phải được sự “đồng thuận” tuyệt đối của tất cả các thành viên nên nhiều khi làm chậm tiến trình, hoặc không thể thống nhất đưa ra được các quyết sách xử lý xung đột kịp thời.

Ba là, tình hình chính trị nội bộ ở một số nước còn rất phức tạp, thêm nữa là quan hệ giữa một số nước thành viên ASEAN vẫn chưa thực sự suôn sẻ là những trở ngại không nhỏ đến việc củng cố lòng tin, chia sẻ trách nhiệm để đi đến nhận thức chung cũng như hành động

trong quản lý xung đột. Trong cùng một khu vực, xung đột diễn ra trong một nước, hoặc một số nước nào đó cũng sẽ tạo thành những hiệu ứng, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến các nước thành viên khác. Khủng hoảng kinh tế, bất ổn chính trị; vấn đề di cư, tội phạm buôn lậu, ma túy, khủng bố, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... thường thì một nước không thể tự giải quyết được mà cần phải có sự tham gia phối hợp hành động tích cực của các nước thành viên khác. Tuy nhiên, nguyên tắc “không can thiệp” sẽ hạn chế ảnh hưởng, vai trò của các nước thành viên và tổ chức ASEAN trong quá trình tổ chức đàm phán, hòa giải và thống nhất phương án xử lý cuối cùng đối với các bên liên quan trên tinh thần thương lượng hòa bình và không sử dụng vũ lực.

Bốn là, vấn đề quốc tế hóa xung đột đã diễn ra khá phổ biến trong quan hệ quốc tế kể từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc đến nay. Một số vấn đề về sắc tộc, tôn giáo, nhân quyền, dân chủ đang là những tiềm ẩn nguy cơ phát sinh xung đột khó lường đối ASEAN hiện nay. Việc các nước bên ngoài như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU... tiếp tục gia tăng ảnh hưởng và can dự ngày càng sâu vào công việc nội bộ của khu vực, thậm chí một số đối tác bên ngoài vẫn luôn tìm cách chia rẽ, chi phối hoạt động của ASEAN để trục lợi⁽⁷⁾, có thể dẫn đến tình trạng phân rã trong ASEAN, gây khó khăn đối với việc thống nhất nhận thức, quan điểm và hành động xử lý xung đột khu vực.

Năm là, để thực thi có hiệu quả vấn đề quản lý xung đột, ASEAN cần phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung để hoàn thiện một hệ thống các nguyên tắc, cơ chế, mô hình,

phương pháp quản lý xung đột đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với thực tế đang diễn ra hiện nay; cố gắng và bằng mọi giải pháp để hóa giải các nguy cơ xung đột có thể xuất hiện từ trong khủng hoảng kinh tế, chính trị, môi trường...; xây dựng, thống nhất nhận thức, hành động, các phương thức quản lý xung đột trong tất cả các thành viên ASEAN; tích cực tham gia hợp tác với các nước và các tổ chức khu vực, thế giới về quản lý xung đột.

Quá trình hơn 20 năm tham gia ASEAN, Việt Nam luôn là một thành viên tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm với những công việc chung của khu vực, trong đó có vấn đề quản lý xung đột. Việt Nam đã và đang ngày càng đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển của tổ chức ASEAN nói chung, đóng góp cho hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác chặt chẽ đối với khu vực nói riêng. Tuy nhiên với tình hình hiện nay, Việt Nam cần phải tiếp tục phát huy hơn nữa vị thế, uy tín của mình thông qua thúc đẩy phát triển nền kinh tế trong nước; tiếp tục cải cách, đồng bộ hóa các chủ trương chính sách đối nội và đối ngoại; tận dụng các cơ hội để tăng cường quan hệ hợp tác theo phương hướng, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1/2016): “Bảo đảm tối đa lợi ích của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hoá, đa phương hoá trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”⁽⁸⁾.

CHÚ THÍCH

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị, tập 9, Chính trị học*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2015, tr.155-156.
2. “Hòa ước Westphalia” đánh dấu sự kết thúc Cuộc chiến tranh 30 năm ở Đức (1618-1648), và Chiến tranh 80 năm giữa Tây Ban Nha và Hà Lan. Nó được đánh giá là văn bản đầu tiên xác nhận chủ thể trong quan hệ quốc tế đó chính là quốc gia. Một số nguyên tắc quan trọng chính thức được nêu lên trong “Hòa ước Westphalia” đã tạo cơ sở hình thành nền luật pháp và chính trị của mỗi quan hệ hiện đại giữa các quốc gia.
3. Hashim Makaruddin, ed., *Reflections on ASEAN: Selected Speeches of Dr. Mahathir Mohamad Prime Minister of Malaysia*, Subang Jaya, Selangor Darul Ehsan, Malaysia, Pelanduk Publications, 2004, p.214.
4. Ngoài việc tư vấn và đồng thuận, việc lập chương trình nghị sự và ra quyết định của ASEAN có thể được hiểu rõ trong những điều khoản của cái gọi là “kênh 1”(Track 1) và “kênh 2” (Track 2). “Kênh1” nói về việc thực hiện ngoại giao trong các kênh chính phủ. Mọi quyết định chính thức được thực hiện theo “kênh 1”. “Kênh 2” khác với “kênh 1”, nó cho phép các chính phủ thảo luận các vấn đề gây tranh cãi và thử nghiệm các ý tưởng mới mà không phải đưa ra các tuyên bố chính thức hay các cam kết mang tính bắt buộc, nếu cần thiết sẽ cho phép rút lui về quan điểm.
5. Nguyễn Anh Chương: *Bàn thêm về con đường xây dựng Cộng đồng ASEAN*, Tạp chí Khoa học Đại học Vinh, tập 41, số 4B, 2012, tr.12.
6. Remarks by the President of the Republic of Indonesia on the Occasion of the 36th Anniversary of ASEAN, Jakarta, 8August 2003, <http://www.aseansec.org/15017.htm>
7. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Hữu Cát, Nguyễn Thị Quế: *Hợp tác liên kết ASEAN*

hiện nay và sự tham gia đóng góp của Việt Nam, Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008, tr.126.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương Bình (2003): *Ngoại giao phòng ngừa ở Đông Nam Á*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.
2. Nguyễn Anh Chương (2012): *Bàn thêm về con đường xây dựng Cộng đồng ASEAN*, Tạp chí Khoa học Đại học Vinh, tập 41, số 4B.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo của Ban chấp hành Trung ương khóa XI trình Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, tháng 1/2016.
4. Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Hữu Cát, Nguyễn Thị Quế (2008): *Hợp tác liên kết ASEAN hiện nay và sự tham gia đóng góp của Việt Nam*, Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. Trương Duy Hòa (2013) (Chủ biên): *Hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN, Bối cảnh tác động và những vấn đề đặt ra*, Nxb.Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2015): *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị, tập 9, Chính trị học*, Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội.
7. Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Anh Chương (2010): *Vai trò của ASEAN trong hợp tác đa phương về an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, số 8.
8. Remarks by the President of the Republic of Indonesia on the Occasion of the 36th Anniversary of ASEAN, Jakarta, 8August 2003, <http://www.aseansec.org/15017.htm>
9. Nguyễn Xuân Sơn, Thái Văn Long (1997): *Quan hệ đối ngoại của các nước ASEAN*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.